

LÚA TUỔI VÀ KHẢ NĂNG TIẾP THU NGÔN NGỮ THỨ HAI

AGE AND SECOND LANGUAGE ACQUISITION

LÊ THỊ PHƯƠNG

(ThS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Age appears to be the most frequently considered variable to predict the success of learners' second language acquisition. While there is a popular belief that children are much better at learning second languages than adults, it is also maintained that older learners with full cognitive maturation and metalinguistic abilities are assumed to outperform children. The paper is going to examine the effects of age on second language acquisition and provide explanation for them.

Key words: second language acquisition; age.

1. Đặt vấn đề

Những nghiên cứu về việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai đã và đang tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này và ngoài những yếu tố khác biệt rõ rệt của cá nhân người học như động lực, năng khiếu, trí tuệ hay sở thích thì độ tuổi của người học là một yếu tố được nhắc đến nhiều nhất và là yếu tố có thể dự đoán được mức độ thành công trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Đã có rất nhiều nghiên cứu tìm ra mối quan hệ giữa tuổi tác với việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, như Dulay, Burt, và Krashen (1982), Snow và Hoefnagel-Hohle (1978), Larsen-Freeman và Long (1991),... Tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn đang gây nhiều tranh cãi. Nghiên cứu của Singleton (tr. 31, 1989) cho rằng "càng nhỏ học ngôn ngữ càng tốt". Đây cũng là quan điểm của Ellis (2008) và Larsen-Freeman (2008) khi chỉ ra rằng: người học ở độ tuổi nhỏ hơn học ngôn ngữ thứ hai sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn người lớn tuổi hơn bởi vì với bộ óc và sự nhận thức còn non nớt cũng như những ưu thế tâm lý xã hội, trẻ em chắc chắn có khả năng nắm bắt được ngôn ngữ tốt hơn. Ngược lại, trong nghiên cứu của mình năm 1989, Singleton cũng đã đưa ra những bằng chứng chứng minh cho quan điểm "càng lớn tuổi càng học tốt hơn" (tr. 31) bởi càng lớn tuổi, người học càng có sự

nhận thức chín chắn và vững vàng hơn. Sự bất đồng trong cách nhìn nhận vấn đề của các học giả trên đã thể hiện sự phức tạp của vấn đề.

2. Ảnh hưởng của yếu tố độ tuổi đến việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai

2.1. Lộ trình tiếp thu

Kết quả của hàng loạt các nghiên cứu trước đó đã chỉ ra rằng độ tuổi bắt đầu học dường như không thay đổi lộ trình tiếp thu. Dulay và Burt (1974) hay Bailey, Madden và Krashen (1974) đã so sánh trật tự của sự phát triển ngôn ngữ thứ hai trong nhóm 10 hình vị ngữ pháp (bao gồm đại từ, thì tiếp diễn, từ gián lược, số nhiều, mạo từ, trợ từ gián lược; động từ bất quy tắc ở quá khứ, sở hữu, ngôi thứ ba và số nhiều) giữa trẻ em và người lớn. Kết quả là thứ tự của việc tiếp thu 10 hình vị này là như nhau bất chấp độ tuổi của người học. Fathman cũng có cùng phát hiện này trong một nghiên cứu vào năm 1975. Tác giả đã thu thập dữ liệu từ 200 đối tượng có độ tuổi từ 6 đến 15 và kết luận rằng các các đối tượng đều cùng tuân tự trải qua các giai đoạn trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Hơn nữa, nghiên cứu về trình tự phát triển trong việc học câu nghi vấn của sáu người học do Cazden, Cancino, Rosansky, và Schumann (1975) tiến hành cũng chỉ ra rằng trẻ em và người lớn trải qua

cùng một tiến trình tiếp thu. Tóm lại, độ tuổi dường như không có ảnh hưởng gì đến quy trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai của người học.

2.2. Tốc độ tiếp thu

Nhiều nghiên cứu đã kiểm tra sự chênh lệch trong tốc độ tiếp thu ngôn ngữ của người học ở các độ tuổi khác nhau. Ellis (1985) chỉ ra rằng, người học ở độ tuổi lớn hơn có nhiều lợi thế hơn trong việc tiếp thu do đó trong cùng một thời gian, người học lớn tuổi có xu hướng học ngôn ngữ nhanh hơn trẻ em. Tác giả Ramsey và Wright (1970, 1974) cũng đã tiến hành nghiên cứu trên 1200 học sinh nhập cư lớp 5,7,9 tại các trường ở Toronto chỉ ra rằng học sinh lớn tuổi hơn tiếp thu kỹ năng ngôn ngữ thứ hai nhanh hơn học sinh nhỏ tuổi. Hơn nữa, Snow và Hoefnagel-Hohle (1978) cũng khẳng định rằng trong giai đoạn đầu của việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, độ tuổi vị thành niên là có khả năng học nhanh nhất và hiệu quả nhất, trừ phát âm. Vì vậy có thể kết luận rằng có sự tỉ lệ thuận giữa độ tuổi và tốc độ tiếp thu ngôn ngữ thứ hai.

2.3. Thành tích

Độ tuổi dường như có ảnh hưởng rõ rệt nhất đến sự thành công trong việc học ngôn ngữ thứ hai đặc biệt là về mặt phát âm. Các nghiên cứu đã chứng minh người học bắt đầu tiếp cận ngôn ngữ thứ hai sớm có giọng chuẩn (authentic accent) và tốt hơn nhiều so với những người bắt đầu muộn hơn. Oyama (1976) khi nghiên cứu 60 người nhập cư trong độ tuổi từ 6 đến 20 sống ở Mỹ từ 5 đến 18 năm đã nhận thấy tự tương hỗ to lớn giữa yếu tố độ tuổi và khả năng tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai và chỉ ra rằng càng sớm tiếp cận ngôn ngữ đích thì người học càng dễ có được ngữ điệu chuẩn. Tương tự như vậy, khi tìm hiểu khả năng phát âm của các đối tượng sau 5 năm tiếp cận ngôn ngữ đích, Asher and Garcia (1969), Oyama (1976), Seliger, Krashen và Ladefoged (1975) Tahta, Wood and Loewenthal (1981) đều khẳng định đa

số người học mà bắt đầu tiếp xúc với ngôn ngữ thứ hai sau độ tuổi dậy thì đều vẫn giữ giọng nước ngoài trong khi đó những người học ngôn ngữ trước độ tuổi dậy thì lại có thể phát âm chuẩn như người bản địa. Như vậy có thể kết luận rằng lứa tuổi có thể mang lại ích lợi cho người học ngôn ngữ thứ hai, đặc biệt là khả năng phát âm.

Kết quả tương tự cũng được phát hiện từ các nghiên cứu về cú pháp. Tuy nhiên, độ tuổi nắm bắt cú pháp lại muộn hơn so với học phát âm. Patkowski (1980) với nghiên cứu của mình đã tìm ra rằng những người học trước lứa tuổi 15 thành thạo ngữ pháp hơn so với những người lớn tuổi hơn.

Theo Ellis (1985), sự ảnh hưởng của lứa tuổi đối với việc thu nhận ngôn ngữ thứ hai có thể được tóm tắt như sau:

1/Tuổi bắt đầu học không ảnh hưởng đến hướng tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai. Tuy có sự khác biệt về trình tự tiếp nhận nhưng những ảnh hưởng này hoàn toàn không phải là do lứa tuổi quy định; 2/Tuổi bắt đầu học có ảnh hưởng đến tốc độ của việc học. Xét về việc học ngữ pháp và từ vựng, nếu coi khoảng thời gian được tiếp cận ngôn ngữ thứ hai là như nhau thì người học là thanh thiếu niên thường nắm bắt tốt hơn trẻ nhỏ hoặc người học lớn hơn. Nếu chỉ xét riêng khả năng phát âm thì những sự khác biệt là không đáng kể; 3/Thời gian tiếp cận ngôn ngữ thứ hai và lứa tuổi bắt đầu học ảnh hưởng đến khả năng thành công hay thành tích của người học. Nếu yếu tố trước đóng góp tương đối lớn đến khả năng giao tiếp trôi chảy của người học thì yếu tố sau lại quy định mức độ chính xác, nhất là trong phát âm mà người học có thể đạt được" (tr. 106).

3. Lý giải về sự ảnh hưởng của độ tuổi

3.1. Giả thuyết về "thời kì quyết định"

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, ảnh hưởng của lứa tuổi tới việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai là do tác động của "thời kì quyết định" (critical period). Giả thuyết này được đề xuất lần đầu tiên bởi Penfield và Robert

(1959) và sau đó được Lenneberg (1967) phát triển rộng rãi hơn. "Giả thuyết về thời kì quyết định khẳng định rằng có một thời kì phát triển sinh học nhất định trong quãng đời của con người mà người học có thể tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất hay thứ hai ở trình độ cao. Một khi thời kì này khép lại thì khả năng học ngôn ngữ sẽ bắt đầu giảm đi" (Birdsong, 1991, trang 1). Điều đó có nghĩa là trong cuộc đời của con người có sẽ có một thời kì sinh học mà khi đó việc tiếp thu ngôn ngữ diễn ra dễ dàng, tự nhiên và sau thời kì này thì người học sẽ gặp khó khăn để đạt được trình độ sử dụng ngôn ngữ cao.

Pennifield và Robert (1959) cũng cho rằng, trong 10 năm đầu tiên của cuộc đời thì não người vẫn giữ được sự linh động, mềm dẻo nhưng khi bước sang tuổi dậy thì thì sự linh động này bắt đầu dần dần giảm đi do quá trình chuyên môn hóa chức năng của mỗi bán cầu não. Sau quá trình chuyên môn hóa chức năng của não bộ thì não người trở nên cố định và cản trở việc tiếp thu ngôn ngữ. Theo Lenneberg (1967), độ tuổi từ 3 đến khoảng 12 tuổi là thời kì nhạy cảm nhất để kích thích và duy trì sự linh động bán cầu của não. Đây chính là những điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu ngôn ngữ và lời nói một cách trôi chảy. Cũng theo tác giả, thời kì quyết định này sẽ kết thúc trước độ tuổi dậy thì, vì vậy mà người lớn thường không thể học được ngôn ngữ thứ hai một cách thành thạo. Để chứng minh cho giả thuyết của mình, Lenneberg đã xem xét hồ sơ bệnh lí và nhận thấy rằng những tổn thương bên bán cầu não phải có khả năng gây ra chứng mất ngôn ngữ ở trẻ em dưới 9 tuổi cao hơn là ở người lớn, và sau khi trải qua các cuộc phẫu thuật bán cầu não trái thì trẻ em hầu như không có hiện tượng rối loạn ngôn ngữ nhưng người lớn có thể mất hoàn toàn ngôn ngữ. Ngoài ra, trẻ em có thể phục hồi các chức năng ngôn ngữ sau các ca phẫu thuật não nhưng người lớn dường như lại phải chịu sự suy giảm ngôn ngữ.

Tuy nhiên, vẫn có nhiều tranh cãi xung quanh vấn đề này: *Thứ nhất*, có những bằng chứng cho rằng thời kì quyết định này chỉ đúng một phần bởi vì theo một số nhà nghiên cứu, thời kì quyết định chỉ đúng với âm vị học chứ không áp dụng được với hình vị học và cú pháp (Scovel, 1998; Garhick, & Berger, 1994). Burstall (1975) chỉ ra rằng học sinh từ cấp học trung học trở lên thì lại suýt xấp xỉ hơn trong các kĩ năng nghe, đọc, viết hơn những người học nhỏ tuổi hơn. *Thứ hai*, một số nhà ngôn ngữ học lại khẳng định không phải chỉ có một thời kì quyết định mà có thể có nhiều thời kì quyết định trong cuộc đời con người (1978). Nghĩa là, có một thời kì quyết định cho việc học phát âm và có một thời kì khác thuận lợi cho việc tiếp thu ngữ pháp và từ vựng. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu đồng ý rằng thời kì quyết định việc học phát âm kết thúc sớm hơn so với thời kì quyết định của việc tiếp thu ngữ pháp hay từ vựng (Long, 1990; Hurford, 1991). Một số nhà ngôn ngữ học (như Ellis, 1994; Long, 1994) chỉ ra rằng, người học chỉ tiếp thu được khả năng phát âm như người bản địa cho đến 6 tuổi, trong khi đó khoảng thời gian thuận lợi cho việc học hình vị học và từ vựng học kéo dài đến tận 15 tuổi (Patkowski, 1980).

Rõ ràng, dù còn nhiều tranh cãi nhưng ở một mức độ nào đó thì "thời kì quyết định" có ảnh hưởng đến việc tiếp thu ngôn ngữ.

3.2. Về mặt nhận thức

Sự phát triển về mặt nhận thức cũng có thể lí giải cho luận điểm rằng trẻ em có những lợi thế về mặt nhận thức hơn người lớn khi học một ngôn ngữ. Rosansky (1975, trích từ Ellis, 1985) đã nhấn mạnh rằng, nhận thức chưa phát triển giúp trẻ em dễ dàng hơn trong việc học ngôn ngữ. Theo tác giả, khi sự nhận thức chưa phát triển, trẻ em có thể học ngôn ngữ một cách tự nhiên và tự động vì chúng dùng ngôn ngữ như một công cụ để thể hiện ý tưởng, suy nghĩ chứ không dùng ngôn ngữ như một dạng thức. Nói cách

khác, trẻ em học ngôn ngữ một cách tự nhiên. Trái lại, người lớn học ngôn ngữ một cách chủ động. Với nhận thức đã phát triển vượt bậc và khả năng giải quyết vấn đề, người lớn học ngôn ngữ bằng cách chủ động học thuộc các quy tắc ngôn ngữ rồi sau đó áp dụng những quy tắc đó khi sử dụng. DeKeyser và Larson-Hall (2005) cũng đã nhận ra những điểm khác nhau về việc học một cách tự nhiên ở trẻ em và việc học một cách chủ động ở người lớn. Người lớn có những lợi thế ban đầu khi nắm vững những cấu trúc rõ ràng nhưng lại gặp khó khăn với những phần mà quy tắc quá phức tạp hoặc không theo quy luật. Trong khi đó, trẻ em tuy không thể học những quy tắc nhanh chóng nhưng cuối cùng vẫn có thể đạt được trình độ ngôn ngữ thành thạo như người bản xứ sau một thời gian dài học một cách tự nhiên và được tiếp nhận từ nhiều nguồn. Sự ảnh hưởng về độ tuổi bắt đầu học tiếng có thể dễ nhận ra nhất ở mặt phát âm nhưng khi nghiên cứu kĩ hơn sẽ thấy cả sự ảnh hưởng ở mặt ngữ pháp.

Tuy nhiên, theo như Ellis (1985) vẫn có một vài vấn đề trong luận điểm của Rosansky. Trước tiên, vẫn còn thiếu những nghiên cứu thực nghiệm để chứng minh quan điểm của ông. Thêm nữa, giả thuyết của ông một mặt nào đó có thể giúp lí giải tại sao những người trưởng thành có thể học nhanh hơn trẻ em. Sự phát triển về mặt nhận thức có thể giúp họ có thêm nhiều chiến lược học, vì vậy người trưởng thành có thể không tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên như trẻ em nhưng có thể làm chủ quá trình học của mình một cách có ý thức.

3.3. Cảm xúc

Sự khác biệt về trạng thái cảm xúc cũng có thể là lời giải thích về sự khác biệt trong khả năng học ngôn ngữ của trẻ em và người lớn. Trẻ em vốn có xu hướng luôn tự coi mình là trung tâm, chưa có sự tự nhận biết và ý thức về bản ngã một cách mạnh mẽ. Do đó, chúng không ngại thể hiện mình nhiều,

cũng không ngại cư xử như một kẻ ngốc. Nhưng khi chúng lớn hơn, chúng sẽ cố tìm kiếm và hiểu được bản ngã của mình và dần dần biết tự kiểm chế như một cách để bảo vệ bản ngã của mình. "Cái tôi trong ngôn ngữ", như Guioro (1972) gọi tên, đã giải thích lí do người lớn không sẵn sàng học ngôn ngữ như trẻ em. "Cái tôi của trẻ em rất hay thay đổi và đang phát triển theo những giai đoạn của tuổi dậy thì, vì vậy học ngôn ngữ mới ở giai đoạn này không gây nguy cơ đe dọa ức chế cho bản ngã của chúng" (Siddiqui, 2008, trang 182).

Trong khi đó, Brown (1980b) giải thích sự khác biệt giữa khả năng học ngôn ngữ của người lớn và trẻ em bằng sự tiếp biến về văn hoá. Sự tiếp biến về văn hoá là khả năng một người tự điều chỉnh trước văn hoá của một ngoại ngữ một cách dễ dàng. Có bốn bước trong quá trình tiếp biến văn hoá, đó là hứng thú ban đầu, sốc văn hoá, căng thẳng về văn hoá và cuối cùng là sự đồng hoá hay điều chỉnh với một môi trường mới. Trẻ em với ít rào cản về văn hoá có thể vượt qua bốn bước của quá trình tiếp biến văn hoá nhanh hơn, vì vậy có thể tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai nhanh hơn.

Áp lực từ phía bạn bè cũng là một nguyên nhân. Trẻ em thường thích được bạn bè công nhận và thích "được giống những đứa trẻ khác" (Siddiqui, 2008, trang 183) trong khi đó "người lớn có xu hướng chấp nhận sự khác biệt hơn trẻ em, vì thế họ dễ chấp nhận những lỗi trong khi nói hơn" (Siddiqui, 2008, trang 183). Trong giao tiếp họ sẽ chấp nhận những lỗi về hình thức miễn là họ có thể hiểu nhau. Trái lại, trẻ em lại dễ ý những hành động và lời nói của bạn mình hơn, vì vậy chúng sẽ tự tạo áp lực khi học ngôn ngữ để bạn mình hiểu và ghi nhận. Vì thế, trong thời gian dài chúng sẽ vượt trội hơn so với những người học trưởng thành.

4. Kết luận

Mặc dù các kết luận về sự ảnh hưởng của lứa tuổi đến việc học ngôn ngữ thứ hai còn

có nhiều bất đồng, nhưng nó nên được coi như là một chỉ số quan trọng trong việc phán đoán khả năng thành công của người học. Một mặt, rõ ràng rằng người học trẻ tuổi có nhiều cơ hội đạt được mức độ thành thạo ngôn ngữ thứ hai như người bản xứ hơn những người học lớn tuổi, đặc biệt là về cách phát âm. Nhưng mặt khác, cần phải nhấn mạnh thêm rằng lứa tuổi, đối với khả năng thu nhận ngôn ngữ thứ hai, không phải là yếu tố duy nhất. Các yếu tố quan trọng khác có thể kể đến là môi trường tiếng, động lực, sự ham thích cá nhân, và năng lực tiếng. Hơn nữa, nói người học trẻ dễ tiếp thu ngôn ngữ thứ hai không đồng nghĩa với việc người học lớn hơn đạt thành tích kém hơn trong cùng môn học. Cái mà người học lớn hơn phát triển được là các chiến thuật được họ sử dụng trong các ngữ cảnh khác. Đây dường như là lợi điểm quan trọng của người học lớn hơn trong việc học ngôn ngữ.

Cũng rất khó để so sánh năng lực ngôn ngữ giữa những người học của các độ tuổi khác nhau. Trong một vài trường hợp, sự khác biệt trong thành tích của những người này lại là hệ quả của nhiều yếu tố khác như phương pháp học hay điều kiện học. Phần lớn trẻ học ngôn ngữ thứ hai trong môi trường tự nhiên và có nhiều thời gian để được tiếp xúc với ngôn ngữ đích mà không chịu áp lực của việc lưu loát và chính xác ngay từ đầu. Ngoài ra, ngôn ngữ trẻ sử dụng thường khá đơn giản với các cấu trúc không phức tạp và vốn từ hạn chế. Trong khi đó, người lớn thường học trong môi trường lớp học nghiêm túc và được yêu cầu sử dụng ngôn ngữ mang tính phức tạp nhằm diễn đạt các ý tưởng "nghiêm chỉnh" hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asher, J., and Price, B. (1967), *The learning strategy of total physical response: some age differences*. Child Development, 38, 1219-1227.

2. Bot, K. D., Lowie, W., & Verspoor, M. (2005), *Second language acquisition: an advanced resource book*. Oxon: Routledge.

3. Burstall, C. (1975), *French in the primary school: The British experiments*. Canadian Modern Language Review, 31/5, 388-402

4. Collier, V.P. (1987), *Choosing language tests: a taxonomy of language proficiency measures*. Paper presented at the annual convention of Teachers of English to Speakers of Other Languages, Miami, FL.

5. Ellis, R. (1985), *Understanding second language acquisition*. UK: Oxford dictionary press

6. Krashen, S.D., Long, M.A., and Scarcella, R.C. (1979), *Age, rate, and eventual attainment in second language acquisition*. TESOL Quarterly, 13, 573-578.

7. Johnson, J.S., & Newport, E. L. (1989), *Critical period effects in second language learning: The influence of maturational state on the acquisition of English as a second language*. Cognitive Psychology, 21, 60-99

8. Long, M.H. (1983), *Does second language instruction make a difference? A review of research*. TESOL Quarterly, 17, 359-382.

9. Oyama, S. (1976), *A sensitive period for the acquisition of a nonnative phonological system*. Journal of Psycholinguistic Research, 5, 261-285.

10. Patkowski, M. (1980), *The sensitive period for the acquisition of syntax in a second language*. Language learning, 30, 449-472.

11. Singleton, D., Ryan, L. (2004), *Language acquisition: The age factor* (2nd edition). Clevedon, Avon: Multilingual Matters.